

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền.**

	30/9/2018	31/12/2017
Tiền mặt	1.096.863.370	224.096.424
Tiền gửi ngân hàng	8.481.272.618	7.893.131.044
Cộng	9.578.135.988	8.117.227.468

2. Phải thu ngắn hạn**2.1 Phải thu khách hàng**

	30/9/2018	31/12/2017
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	7.904.533.218	6.485.510.349
Các khách hàng khác	68.000.000	
Cộng	7.972.533.218	6.485.510.349

2.2 Trả trước cho người bán

	30/9/2018	31/12/2017
Công ty CP tư vấn LiGi	194.000.000	194.000.000
Cộng	194.000.000	194.000.000

2.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/9/2018	31/12/2017
Công ty CP Sông Đà 11	14.678.906.943	20.178.906.943
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	17.178.906.943	22.678.906.943

2.4 Phải thu khác**- Phải thu ngắn hạn khác**

	Số 30/9/2018		Số 31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.874.630.023	-	1.937.656.798	-
- Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên chi phí sử dụng chung đường dây	725.428.959	-	718.505.455	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung 10% tiền góp vốn thực hiện đường dây		-	287.000.000	-
- Công ty CP Sông Đà 11	933.307.350		235.066.033	
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	158.673.611		60.069.444	
- Tạm ứng cho nhân viên	47.861.489	-	628.256.247	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số 30/9/2018		Số 31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Bảo hiểm xã hội, thuế TNCN phải thu nhân viên	9.358.614	-	8.759.619	-
Cộng	1.874.630.023	-	1.937.656.798	-

- Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền phải thu lại theo "Biên bản thoả thuận về việc cam kết góp và hoàn trả vốn thực hiện chống quá tải đường dây 110kV Pleiku-Kontum". Theo đó, Công ty đã góp 2.870.000.000 VND từ năm 2011 để Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (PC3) thực hiện đầu tư công trình chống quá tải đường dây 110kV Pleiku-Kontum và sau 6 tháng kể từ khi công trình hoàn thành đóng điện vận hành, số tiền này sẽ được PC3 hoàn trả trong 10 năm (mỗi năm 10% giá trị vốn đã góp).

3. Hàng tồn kho

	30/9/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	485.957.858	-	468.598.173	-
Công cụ, dụng cụ	8.933.455	-	3.700.000	-
Cộng	494.891.313	-	472.298.173	-

4. Chi phí trả trước**4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản còn phải phân bổ.

4.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trồng rừng thay thế	598.952.001	925.653.087
Chi phí sửa chữa gia cố đổ đá mái hạ lưu Dập dâng	396.449.167	-
Cộng	995.401.168	925.653.087

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	160.830.486.568	121.301.675.472	937.811.290	81.606.348	283.151.579.678
Giảm trong năm ^(*)					
Số cuối kỳ	160.830.486.568	121.301.675.472	937.811.290	81.606.348	283.151.579.678
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			158.133.333	81.606.348	81.606.348
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	41.159.555.712	53.105.480.116	872.838.196	81.606.348	95.219.480.372
Khấu hao trong năm	3.869.340.015	6.226.625.682	58.475.853	-	10.154.441.550
Số cuối kỳ	45.028.895.727	59.332.105.798	931.314.049	81.606.348	105.373.921.922